TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM MỸ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2019/KDTM-ST
Ngày: 24/9/2019.
V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Phạm Thị Tường Vy.
- *Các Hội thẩm nhân dân*:
1. Ông Lê Đức Dũng;
2. Ông Võ Hồng Hạnh.

Thư ký phiên tòa: ông Phạm Thái Học – Thư ký TAND huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở TAND huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án KDTM thụ lý số: 32/2018/TLST-KDTM ngày 10 tháng 7 năm 2018 về: "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2019/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 8 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 92/2019/QĐST-DS ngày 05/9/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Ng – 1977; Nơi cư trú: ấp 9, xã S, huyện C, Đồng Nai. *(Có mặt)*

2. Bị đơn: bà Vũ Thị P – sinh năm: 1973; Nơi cư trú: ấp S, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai. *(Vắng mặt)*

3. Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Văn Th – Sinh năm: 1968; Nơi cư trú: ấp S, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai., tỉnh Đồng Nai. *(Vắng mặt)*

+ Chị Nguyễn Thị Phương Tr – Sinh năm: 1998; Nơi cư trú: ấp 9, xã S, huyện C, Đồng Nai. *(Vắng mặt)*

+ Cháu Nguyễn Thị Phương L – Sinh năm: 2002; Nơi cư trú: ấp 9, xã S, huyện C, Đồng Nai. *(Vắng mặt)*

Người đại diện theo pháp luật của cháu L: bà Nguyễn Thị Ng – 1977; Nơi cư trú: ấp 9, xã S, huyện C, Đồng Nai. *(Có mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 02/5/2018, các bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Ng trình bày:

Vào khoảng đầu năm 2016, bà có thỏa thuận bán nợ cám nuôi gà cho bà Vũ Thị P, khi nào gà lớn xuất chuồng bán được thì bà P sẽ trả tiền cho bà, việc thỏa thuận chỉ bằng lời nói không lập văn bản. Bà đã bán cho bà Phương nuôi tổng cộng 3 đợt gà, tuy nhiên đợt đầu tiên do bà P trả gần như hết số tiền nợ nên bà không ghi vào. Còn đợt tiếp theo bà đã bán cho bà P vào ngày đầu là 12/11/2016, tổng tiền cám đợt này là 126.136.000 đồng; sau đó từ ngày 11/02/2017 đến 22/5/2017 bà bán cám đợt 3 với số tiền 181.400.000 đồng. Tổng số tiền cám bà đã bán cho bà P 2 đợt là 307.536.000 đồng. Từ thời gian tháng 11/2016 cho đến ngày 22/5/2017, bà P trả tiền cho bà là 93.800.000 đồng, nên đến ngày 22/5/2017 bà gút lại số tiền bà P còn nợ là 213.736.000 đồng. Sau đó, đến ngày 24/7/2017, vì đòi tiền nhiều lần nhưng bà P không trả nên bà có trao đổi với bà P là bán gà để trả cho bà thì bà P đồng ý và đồng ý để cho bà kêu người mua gà. Vì vậy, nên bà đã kêu người vào bán số gà cho bà P được số tiền 92.985.000 đồng và số tiền này coi như bà P trả cho bà, đến khoảng tháng 12/2017 bà P tiếp tục trả cho bà số tiền 30.000.000 đồng. Như vậy, số tiền 213.736.000 đồng – số tiền gà là 92.985.000 đồng – 30.000.000 đồng = 90.751.000 đồng. Do bà tính nhầm nên trong đơn khởi kiện chỉ yêu cầu trả số tiền là 90.536.000 đồng. Nay bà vẫn giữ nguyên yêu cầu ban đầu là buộc bà P, ông Th trả cho bà số tiền nợ là 90.536.000 đồng và bà yêu cầu tính lãi suất với mức 1% đối với số tiền nợ trên từ ngày 22/5/2017 (là ngày bán cám cuối cùng) cho đến khi bà P, ông Th trả hết số nợ trên cho bà. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, bà chỉ yêu cầu tính lãi từ ngày 24/12/2017 cho đến nay là tròn 21 tháng với mức lãi suất 1% và tiếp tục trả lãi cho đến khi bà Phương, ông Th trả xong số nợ.

* Tại các biên bản lấy lời khai, biên bản đối chất, bà Vũ Thị P trình bày: Bà thừa nhận có mua cám của bà Ng để chăn nuôi gà bà đã mua khoảng hơn 1.000 bao cám, mỗi bao có giá khoảng 258.000 đồng. Bà cũng xác định số tiền bà còn nợ bà Ng là 90.536.000 đồng. Tuy nhiên, bà cho rằng số nợ này bà Ng chốt nợ với bà vào ngày 22/5/2017, sau đó, bà Ng đã kêu người vào mua gà của bà là lấy số tiền bán gà là 138.720.000 đồng. Nên lấy số tiền gà là 138.720.000 đồng trừ đi số tiền bà còn nợ bà Ng là 90.536.000 đồng thì bà Ng còn nợ lại bà số tiền 48.184.000 đồng. Bà thừa nhận là mỗi khi mua cám thì bà có ký vào giấy xác nhận số bao cám đã lấy nhưng khi bà Ng kêu người vào bán gà thì không có làm giấy tờ gì.

Với lời trình bày trên thì bà không đồng ý trả cho bà Ng số tiền 90.536.000 đồng và lãi suất là 1% đối với số tiền nợ, mà bà sẽ làm đơn phản tố gửi tòa án sau.

* Theo biên bản lấy lời khai, người có quyền, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn Th trình bày:

Ông thống nhất khai như lời khai của bà Vũ Thị P là vợ chồng ông cũng có mua cám của bà Ng vào khoảng năm 2017. Tuy nhiên, sau đó thì ông bà đã trả cho bà Ng, chỉ còn nợ lại số tiền 90.536.000 đồng nhưng vì bà Ng đã bắt gà của ông bà bán được số tiền 138.720.000 đồng, nên hiện ông bà không còn nợ bà Ng mà bà Ng còn nợ ông bà số tiền 48.184.000 đồng. Nên ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Ng và ông sẽ làm đơn phản tố sau.

* Tại đơn xin vắng mặt của người có quyền, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị Phương Tr trình bày: chị là con bà Ng, việc kinh doanh của mẹ chị do mẹ chị quyết định, nên trong vụ án tranh chấp này chị không có yêu cầu gì.

* Tại đơn xin vắng mặt, người có quyền, nghĩa vụ liên quan là cháu Nguyễn Thị Phương L, do bà Nguyễn Thị Ng đại diện theo pháp luật trình bày: Việc kinh doanh trong gia đình do bà Ng thực hiện, mọi ý kiến trong vụ án này sẽ do bà Ng quyết định.

* Ý kiến đại diện VKS:

- Về quan hệ tranh chấp, thu thập chứng cứ và thủ tục tố tụng: Do nguyên đơn có đăng ký hộ kinh doanh và bị đơn mua với mục đích lợi nhuận nên vụ án này là vụ án KDTM, tòa án thụ lý vụ án dân sự là không đúng. Việc thu thập chứng cứ trong biên bản đối chất lời khai của nguyên đơn và bị đơn chưa làm rõ thời điểm chốt nợ cuối cùng khi nguyên đơn lúc đầu khai là ngày 22/5/2018 là ngày chốt nợ sau đó là khai ngày đó là ngày bán cám cuối cùng. Tuy nhiên, tại phiên tòa cũng đã làm rõ yêu cầu của nguyên đơn; Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng, chủ tọa phiên tòa, hội đồng xét xử, thư ký tòa án thực hiện theo quy định pháp luật.

Quan điểm giải quyết vụ án: Bị đơn cho rằng ngày chốt nợ cuối cùng mình còn nợ 90.536.000 đồng và sau đó nguyên đơn mới bắt gà để cấn trừ nợ. Tuy nhiên, bị đơn không cung cấp tài liệu chứng cứ gì, nên yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn và người liên quan trả số tiền 90.536.000 đồng là phù hợp. Về lãi suất, do bị đơn xác định ngày 22/5/2017 là ngày bà Phương còn nợ số tiền 90.536.000 đồng, vì vậy tại phiên tòa hôm nay bà Ng yêu cầu tính lãi suất 1% kể từ ngày 24/12/2017 là ngày trả nợ cuối cùng của bà P là phù hợp với mức lãi suất quá hạn trung bình của 3 ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết và thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Ng là đại diện hộ kinh doanh Nguyễn Thị Ng. Ngày 02/5/2018, bà có đơn khởi kiện yêu cầu bà Vũ Thị P trả tiền nợ trong việc mua thức ăn chăn nuôi gà. Bà Ng là đại diện hộ kinh doanh (có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh) và mục đích mua thức ăn chăn nuôi của bà P là chăn nuôi gà bán để thu lợi nhuận. Bà Vũ Thị P là hiện cư trú tại ấp S, xã X, huyện C. Vì vậy, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động KDTM cụ thể là Đòi tiền nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán hàng hóa. Toà án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

Trước đây, do không kiểm tra việc nguyên đơn có đăng ký kinh doanh và có mục đích lợi nhuận nên Tòa án đã thụ lý vụ án dân sự và vào sổ dân sự nên các ký hiệu trong các văn bản tố tụng trước đây là theo ký hiệu DSST. Nay xác định là vụ án KDTM nên số bản án phát hành, Tòa án vẫn lấy theo số sổ dân sự nhưng ký hiệu bản án sẽ là KDTM-ST.

- Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị Phương Tr và cháu Nguyễn Thị Phương L có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Cháu Phương L dưới 18 tuổi nên chị Ng (là mẹ ruột) được xác định là đại diện theo pháp luật cho cháu L tham gia tại phiên tòa. Bà Vũ Thị P và ông Nguyễn Văn Th vắng mặt không có lý do và đây là phiên tòa lần thứ 2 bà P và ông T vắng mặt. Vì vậy, xét thấy HĐXX vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên là phù hợp theo quy định tại Điều 227, 228 BLTTDS.

[2] Về nội dung vụ án: Mặc dù nguyên đơn và bị đơn không thống nhất được với nhau về thời gian tính trừ số tiền bán gà để cấn trừ nợ. Tuy nhiên, bị đơn là bà P và người liên quan là chồng bà P là ông Th cũng thừa nhận việc mình mua cám của bà Ng và có ký vào giấy nhận nợ tiền hàng của bà Ng với số lượng cám hơn 1.000 bao cám với số tiền hơn 258.000.000 đồng. Và bà P, ông Th cũng đã xác định số tiền ông bà nợ cuối cùng của bà Ng là 90.536.000 đồng. Ông bà cho rằng việc bà Ng và bắt gà là sau ngày chốt nợ trên để cấn trừ nợ và số tiền gà bà Ng lấy cao hơn số tiền ông bà nợ bà Ng đến 48.184.000 đồng. Tuy nhiên, ông bà lại không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho lời khai của mình. Đồng thời, ông bà cũng có ý kiến tại biên bản sẽ làm đơn phản tố đối với bà Ng để lấy lại số tiền trên nhưng kể khi ông bà có ý kiến sẽ làm đơn phản tố đối với nguyên đơn (ngày 24/7/2019), đến ngày 14/8/2019 tòa án đã ra thông báo đề nghị ông bà gửi đơn phản tố nếu có yêu cầu và cho đến nay, ông bà vẫn không nộp cho Tòa án bất cứ văn bản, tài liệu chứng cứ nào để chứng minh cho lời trình bày của mình. Trong thời gian chuẩn bị xét xử, tòa án đã tiến hành triệu tập bà P, ông Th nhiều lần nhưng ông bà vẫn cố tình vắng mặt. Như vậy, việc bà P, ông Th thừa nhận số tiền nợ 90.536.000 đồng, việc bà P thừa nhận ký vào các giấy giao hàng đã đủ chứng minh, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở và phù hợp, bà P và ông Th là vợ chồng, việc mua cám để chăn nuôi phục vụ kinh tế của gia đình. Vì vậy, cần buộc bà P và ông Th trả cho bà Ng số tiền nợ gốc là 90.536.000 đồng.

Xét yêu cầu của bà Ng về việc buộc vợ chồng bà P, ông Th trả lãi tính từ ngày 24/12/2017, nhận thấy: bà Ng cho rằng ngày 22/5/2017 là ngày chốt nợ cám đợt cuối với số tiền nợ là 213.736.000 đồng, sau đó bà P đã trả tiền (trong đó có cấn trừ tiền bán gà) đến tháng 12/2017 thì bà P, ông Th còn nợ lại số tiền 90.536.000 đồng. Còn bà P thì cho rằng ngày 22/5/2017, là ngày chốt nợ cuối cùng còn nợ là 90.536.000 đồng, sau đó mới vào bắt gà để cấn trừ nợ. Mặc dù giữa bà Ng với bà P không thống nhất với nhau ngày chốt nợ cuối cùng, tuy nhiên bà P cũng đã thừa nhận ngày 22/5/2017 là ngày bà thừa nhận còn nợ số tiền 90.536.000 đồng. Vì các bên không thỏa thuận ngày thanh toán nên theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 440 BLDS 2015 quy định "*Trường hợp các bên chỉ có thỏa thuận về thời hạn giao tài sản thì thời hạn thanh toán tiền cũng được xác định tương ứng với thời hạn giao tài sản. Nếu các bên không có thỏa thuận về thời hạn giao tài sản và thời hạn thanh toán tiền thì bên mua phải thanh toán tiền tại thời điểm nhận tài sản. Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật này".* Đồng thời theo quy định tại Điều 306 của Luật thương mại 2005 quy định: "*Trường hợp bên vi phạm hợp đồng thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với*

thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác".

Như vậy, do các bên không thỏa thuận với nhau về thời gian thanh toán tiền khi mua hàng (cám) nên khi bên bán là bà Ng đã giao cám cho bên mua là bà P, ông Th thì buộc bà P, ông Th phải trả tiền cho bà Ng nhưng sau khi chốt nợ là ngày 22/5/2017 bà P, ông Th vẫn không trả tiền nên việc bà Ng yêu cầu bà P, ông Th trả lãi từ ngày 24/12/2017 là phù hợp. Tính đến ngày 24/9/2019 là 21 tháng, xét yêu cầu trên là phù hợp nên ghi nhận.

Xét mức lãi suất bà Ng yêu cầu bà P, ông Th trả là 1%/tháng, nhận thấy: theo xác minh về lãi suất quá hạn của các ngân hàng trên thị trường tính theo mức lãi quá hạn trung bình trung hạn của 03 Ngân hàng hơn 17%/năm, tức hơn 1,4%/tháng. Vì vậy, mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu là 1%/tháng là phù hợp, nên HĐXX chấp nhận.

Như vậy, số tiền lãi suất chấp nhận theo yêu cầu của bà Ng buộc bà P, ông Th phải trả là (90.536.000 đồng x 1%/tháng) x 21 tháng = 19.012.500 đồng.

Kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm, bà P, ông Th còn phải chịu lãi suất chậm trả với mức lãi là 1%/tháng, tương ứng với số tiền gốc và thời gian chậm trả.

[3] Về án phí: Buộc bà P, ông Th phải nộp án phí KDTM sơ thẩm cho số tiền buộc trả 109.548.500 đồng x 5% = 5.477.400 đồng.

Vì các lẽ trên;

* Về quan điểm của đại diện VKSND huyện Cẩm Mỹ: Về việc thu thập vấn đề đối chất giữ các đương sự, Tòa án cũng đã thực hiện tuy nhiên giữa các đương sự vẫn giữ ý kiến của mình, nguyên đơn xác định ngày 22/5/2017 là ngày bán cám cuối cùng, còn bị đơn xác định là ngày chốt nợ cuối cùng. Việc nguyên đơn đính chính lại lời khai của mình là điều có thể chấp nhận nếu lời khai đó phù hợp với các chứng cứ khác trong hồ sơ; và trong biên bản đối chất của Tòa án không ghi là ngày 22/5/2018 như lời phát biểu của đại diện VKS.

Còn các quan điểm khác của VKS là phù hợp với quy định pháp luật và phù hợp với quan điểm của HĐXX nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1, 2 Điều 228; Điều 266 của Bộ luật TTDS;

- Khoản 2, 3 Điều 440 của BLDS 2015;

- Điều 24, Điều 50, Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005;

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Ng.

- Buộc bà Vũ Thị P và ông Nguyễn Văn Th có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị Ng số tiền gốc là 90.536.000 đồng *(Chín mươi triệu năm trăm ba mươi sáu nghìn đồng)* và số tiền lãi là 19.012.500 đồng *(Mười chín triệu mười hai nghìn năm trăm đồng).*

Kể từ sau ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 24/9/2019), bà P, ông Th còn phải chịu lãi suất chậm trả với mức lãi là 1%/tháng, tương ứng với số tiền nợ gốc và thời gian chậm trả.

2/ Về án phí:

- Buộc bà Vũ Thị P và ông Nguyễn Văn Th nộp số tiền 5.477.400 đồng *(Năm triệu bốn trăm bảy mươi bảy nghìn bốn trăm đồng)* án phí KDTM sơ thẩm.

- Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Ng số tiền tạm ứng án phí là 2.556.000 đồng *(Hai triệu năm trăm năm mươi sáu nghìn đồng)* mà bà Ng đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 004346 ngày 10/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Cẩm Mỹ;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Mỹ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Tường Vy